



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
TRƯỜNG CĐ KT-KT TÔ HIỆU HƯNG YÊN**

Địa chỉ:

Cơ sở 1: Xã Dân Tiến, Huyện Khoái Châu, Tỉnh Hưng Yên

Cơ sở 2: Số 56 Đường Hải Thượng Lãn Ông,

P.Hiền Nam, TP.Hưng Yên, Tỉnh Hưng Yên

ĐT: 02216.284.526 hoặc 02216.251.026

Email: est.tohieu@gmail.com Website: www.cdtohieu.edu.vn

QUY TRÌNH


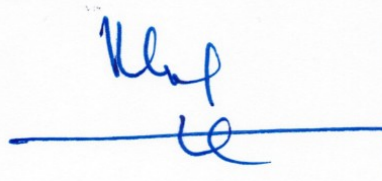

CẬP NHẬT, CHỈNH SỬA VÀ BỔ SUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

Đơn vị phụ trách: Phòng Đào tạo

Mã hóa **QT29**

Ban hành lần: **01**

Hiệu lực từ ngày: **09/12/2021**

| NGƯỜI SOẠN THẢO | TRƯỞNG ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH | HIỆU TRƯỞNG |
|---|--|---|
|  |  |  |
| Trần Ngọc Tú | Ths. Nguyễn Công Minh | Ths. Trần Thanh Liêm |

1. Mục đích và phạm vi áp dụng

a. Mục đích:

Xây dựng chuẩn đầu ra của ngành học; cập nhật sửa đổi bổ sung và hoàn thiện chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra; triển khai đào tạo; kiểm tra, đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo tại Trường cao đẳng Kinh tế- Kỹ thuật Tô Hiệu Hưng Yên.

b. Phạm vi áp dụng

Quy trình này áp dụng cho việc cập nhật, bổ sung, chỉnh sửa chương trình đào tạo đã được phê duyệt và áp dụng tại Trường Cao đẳng Kinh tế-Kỹ thuật Tô Hiệu Hưng Yên. Áp dụng đối với các tập thể, các cá nhân liên quan đến việc bổ sung, chỉnh sửa và triển khai chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra

2. Định nghĩa và từ viết tắt

a. Định nghĩa:

Chương trình đào tạo là hệ thống các môn học thể hiện mục tiêu đào tạo, quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức (thái độ), phạm vi và cấu trúc nội dung đào tạo, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi môn học, ngành học, trình độ đào tạo của bậc đào tạo. Chương trình đào tạo được chỉnh sửa cập nhật và hoàn thiện nhằm đào tạo học sinh, sinh viên toàn diện cả về kiến thức chuyên môn, kỹ năng và phẩm chất đạo đức, trong đó nhấn mạnh năng lực thực hành và ý thức trách nhiệm xã hội, đảm bảo cho sinh viên được học tập chủ động và trải nghiệm thực tiễn.

b. Từ viết tắt:

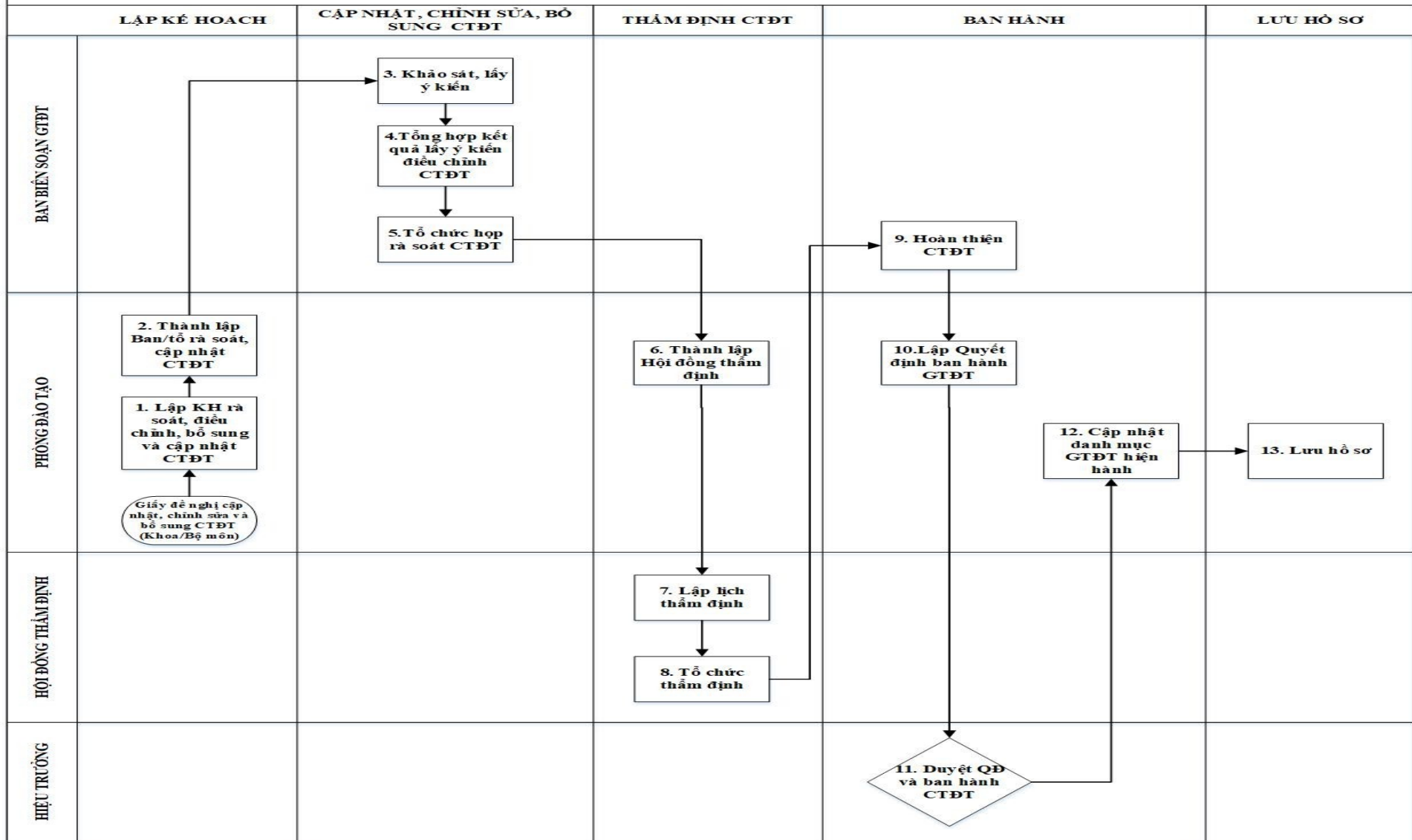
| | | | |
|------|------------------------|------|-----------------|
| CTĐT | : Chương trình đào tạo | P.ĐT | : Phòng Đào tạo |
| CT | : Chương trình | QT | : Quy trình |
| HĐTĐ | : Hội đồng thẩm định | BM | : Biểu mẫu |
| KH | : Kế hoạch | | |

3. Lưu đồ (Xem trang 3)

4. Đặc tả (Xem trang 4-6)

5. Các biểu mẫu/ hướng dẫn kèm theo (Xem trang 7)

QUY TRÌNH CẬP NHẬT, CHỈNH SỬA VÀ BỔ SUNG CTĐT TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
Đơn vị phụ trách: Phòng Đào tạo



**ĐẶC TẢ QT29: QUY TRÌNH CẬP NHẬT, CHỈNH SỬA VÀ BỔ SUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

Đơn vị phụ trách: Phòng Đào tạo

| Nhận vào | Từ ai | Làm gì (thời gian, địa điểm, ...) | Người thực hiện | Kết quả/sản phẩm | Chuyển đến đâu / cho ai | Ghi chú (Yêu cầu/giải thích/ phương tiện/biểu mẫu/ ...) |
|---|----------------------------|---|------------------------|---|--------------------------------|--|
| Đề xuất cập nhật, chỉnh sửa và bổ sung CTĐT | Khoa/ bộ môn/Giảng viên | 1-Lập KH triển khai việc cập nhật, chỉnh sửa và bổ sung CTĐT <i>(Đầu tháng 6 hàng năm)</i> | P.ĐT | 100% các CTĐT được cập nhật, chỉnh sửa và bổ sung <i>(Ít nhất 3 năm một lần)</i> | Các đơn vị trong trường | - Đề xuất cập nhật, chỉnh sửa và bổ sung CTĐT - Tổng hợp đề xuất chỉnh sửa CTĐT - KH triển khai việc cập nhật, chỉnh sửa và bổ sung các CTĐT |
| | | 2-Thành lập Ban/Tổ rà soát và cập nhật CTĐT <i>(15.6 hàng năm)</i> | Ban/tổ rà soát CT | | | - Quyết định thành lập Ban/tổ rà soát CTĐT và HĐĐTĐ |
| | | 3-Khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan <i>(Đầu tháng 7 hàng năm)</i> | Ban/tổ rà soát CT | | | - Các biên bản họp/tổng hợp ý kiến - Các phiếu ý kiến |
| | | 4- Tổng hợp kết quả thực hiện CTĐT | Ban/tổ rà soát CT | | | Căn cứ: Kết quả học tập của HSSV; Mức độ đáp ứng trang thiết bị phục vụ học tập, giảng dạy... |
| | | 5-Họp rà soát nội dung CTĐT <i>(15.7 hàng năm)</i> | Ban/tổ rà soát CT | | | - Nội dung rà soát gồm: rà soát thay đổi quy định, cập nhật tiến bộ KHCN và các kết |

| | | | | | | |
|--|--|---|----------------------------|--|--|--|
| | | | | | | quả nghiên cứu có liên quan, những thay đổi trong môn học phù hợp với thị trường lao động) - Biên bản họp/tổng hợp ý kiến |
| | | 6-Thành lập HĐTD | P.ĐT | | | - Quyết định thành lập HĐTD |
| | | 7- Lập lịch thẩm định CTĐT | HĐTD | | | |
| | | 8-Tổ chức thẩm định <i>(30.7 hàng năm)</i> | HĐTD | | | - Biên bản thẩm định các CTĐT |
| | | 9- Chỉnh sửa và hoàn thiện CTĐT <i>(Trong vòng 05 ngày sau khi nhận được kết luận của HĐTD)</i> | Ban/tổ rà soát CT Các khoa | | | |
| | | 10- Lập Quyết định ban hành lại CTĐT <i>(Trong vòng 01 ngày sau khi nhận được bản CTĐT hoàn chỉnh)</i> | P.ĐT | | | - Quyết định kèm các CTĐT đã được cập nhật, sửa đổi và bổ sung |
| | | 11- Phê duyệt <i>(Trong vòng 01 ngày khi nhận được bản trình)</i> | Hiệu trưởng | | | |
| | | 12- Cập nhật danh mục CTĐT hiện hành | P.ĐT | | | |
| | | 13- Lưu hồ sơ | P.ĐT | | | |

Các văn bản liên quan (cấp trường và cấp quản lý):

| | |
|--|--|
| <ul style="list-style-type: none">- Thông tư 03/2017/TT-BLĐT BXH Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (ngày 01 tháng 3 năm 2017). | <ul style="list-style-type: none">- Quy chế chi tiêu nội bộ Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ.- QUY CHẾ ĐÀO TẠO TRUNG CẤP, CAO ĐẲNG (Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-.....ngày thángnăm của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Tô Hiệu) |
|--|--|

CÁC BIỂU MẪU/HƯỚNG DẪN KÈM THEO

| TT | Tên biểu mẫu/Hồ sơ | Ký hiệu |
|-----------|---|----------------|
| 1 | Tờ trình đề xuất bổ sung, chỉnh sửa CTĐT | BM29.01 |
| 2 | Tổng hợp đề xuất chỉnh sửa CTĐT | BM29.02 |
| 3 | Kế hoạch rà soát, cập nhật, chỉnh sửa và bổ sung CTĐT | BM28.02 |
| 4 | Quyết định thành lập Tổ rà soát CTĐT | BM28.03 |
| 5 | Phân công giáo viên/ giảng viên tham gia rà soát chương trình đào tạo | BM28.04 |
| 6 | CTĐT (mẫu) | BM28.05 |
| 7 | Phiếu đánh giá đề cương chi tiết môđun/môn học | BM28.06 |
| 8 | Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT | BM28.11 |
| 9 | Biên bản thẩm định chương trình đào tạo | BM28.12 |
| 10 | Quyết định ban hành CTĐT | BM28.13 |
| 11 | Danh mục CTĐT | BM28.14 |

TỜ TRÌNH

Đề xuất bổ sung, chỉnh sửa chương trình đào tạo

Tên ngành:

Mã ngành:

Chuyên ngành:

Trình độ:

Kính gửi: - Ban Giám hiệu

1. Lý do chỉnh sửa, bổ sung chương trình đào tạo

2. Tóm tắt quá trình chuẩn xây dựng, bổ sung sửa đổi chương trình đào tạo của đơn vị đề xuất

3. Đảm bảo các điều kiện đáp ứng cho việc xây dựng chương trình đào tạo mới sau khi đã bổ sung sửa đổi

Đơn vị đào tạo kính trình Ban Giám hiệu và Hội đồng KH&ĐT Trường xem xét đề xuất mở ngành, chuyên ngành và chương trình đào tạo mới theo như nội dung trên.

Xin trân trọng cảm ơn!

PHÒNG ĐÀO TẠO

Nơi nhận:

- Như trên;

Tổng hợp đề xuất chỉnh sửa chương trình đào tạo**Tên ngành:****Mã ngành:****Chuyên ngành:****Trình độ:****Kính gửi:** - Ban Giám hiệu

| TT | Mã ngành | Thông tin điều chỉnh trường chình đào tạo | | | Thông tin điều chỉnh | Ghi chú |
|-----|----------|---|-----------|-----------|----------------------|---------|
| | | Môn học | Thực hành | Lý thuyết | | |
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| ... | | | | | | |

Trên đây là tổng hợp những ý kiến đề xuất chỉnh sửa chương trình đào tạo của các phòng khoa tổ.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;

PHÒNG ĐÀO TẠO

(Ký và ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG CĐ KT-KT TÔ HIỆU HY
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số : /KH - ĐT

Hưng Yên, ngày..... tháng ... năm

KẾ HOẠCH

Rà soát, cập nhật, chỉnh sửa và bổ sung CTĐT

Thực hiện nhiệm vụ năm học của Phòng Đào tạo;

Phòng Đào tạo học tổ chức năm....với kế hoạch cụ thể như sau:

1. Mục đích, yêu cầu:

1.1. Mục đích

1.2. Yêu cầu:

2. Thời gian thực hiện:

- Xây dựng: từ ngày đến ngày.....

- Thẩm định: từ ngày.....đến ngày.....

- Ban hành: chậm nhất ngày.....

3. Tổ chức thực hiện:

| STT | NỘI DUNG CÔNG VIỆC | NGƯỜI THỰC HIỆN | THỜI GIAN HOÀN THÀNH | GHI CHÚ |
|------|--------------------|-----------------|----------------------|---------|
| 1 | | | | |
| 2 | | | | |
| 3 | | | | |
| 4 | | | | |
| 5 | | | | |
| 6 | | | | |
| | | | | |

4. Dự trù kinh phí

Trên đây là Kế hoạch năm.... Phòng Đào tạo;

Kính đề nghị BGH nhà trường xem xét và xét duyệt./.

BAN GIÁM HIỆU

PHÒNG ĐÀO TẠO

Số: /QĐ-CĐTH Hưng Yên, ngày tháng năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH
Thành lập tổ rà soát CTĐT**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CĐ KT-KT TÔ HIỆU HƯNG YÊN**

Căn cứ

Căn cứ

Căn cứ

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1:** Thành lập

:, chuyên ngành:, cụ thể như sau:

| TT | Họ và tên | Đơn vị công tác | Chức danh HĐ |
|----|-----------|-----------------|--------------|
| 1 | | | Chủ tịch HĐ |
| 2 | | | Ủy viên, TK |
| 3 | | | Ủy viên, PB |
| 4 | | | Ủy viên, PB |
| 5 | | | Ủy viên |

Điều 2: có nhiệm vụ theo quy định của Tổng cục GDNN và của Trường CĐ KT-KT Tô Hiệu Hưng Yên.**Điều 3:** Trưởng các phòng: Tổ chức - Hành chính - Quản trị, Đào tạo, Thanh tra - Khảo thí & KĐCL; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan và các cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**HIỆU TRƯỞNG****Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KT-KT TÔ HIỆU HÙNG YÊN

BỘ PHẬN:.....

PHÂN CÔNG GIÁO VIÊN/ GIẢNG VIÊN THAM GIA RÀ SOÁT CTĐT

- Khối kiến thức các môn học chung:

| TT | Tên môn học | Giáo viên | Trình độ | Chuyên môn | Ghi chú |
|-----------|--------------------|------------------|-----------------|-------------------|----------------|
| 1 | Chính trị | Nguyễn Thị A | Thạc sĩ | HCM học | |
| | | | | | |

- Khối kiến thức kỹ thuật cơ sở và chuyên môn:

| TT | Tên môn học/mô đun | Giảng viên/ giáo viên | Trình độ | Chuyên môn | Ghi chú |
|-----------|---------------------------|------------------------------|-----------------|-------------------|----------------|
| 1 | | | | | |
| 2 | | | | | |

BAN GIÁM HIỆU

NGƯỜI LẬP BIỂU

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số ... ngày ...tháng...năm... của Hiệu trưởng Trường CĐ KTKT Tô Hiệu Hưng Yên)

CHƯƠNG TRÌNH

ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

Tên ngành:

Mã ngành:

Trình độ đào tạo:

Hình thức đào tạo:

Đối tượng tuyển sinh:

Thời gian đào tạo:

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

1.2 Mục tiêu cụ thể

1.3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun:
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học:Tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương:giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn:giờ
- Khối lượng lý thuyết: giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm:giờ

3. Nội dung chương trình:

| Mã MH/MĐ | Tên môn học/mô đun | Số tín chỉ | Thời gian học tập (giờ) | | | |
|------------------|---------------------------------------|------------|-------------------------|-----------|--|---------------|
| | | | Tổng số | Trong đó | | |
| | | | | Lý thuyết | Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận | Thi/ Kiểm tra |
| I | Các môn học chung | | | | | |
| MH | Chính trị | | | | | |
| MH | Pháp luật | | | | | |
| MH | Giáo dục thể chất | | | | | |
| MH | Giáo dục Quốc phòng và An ninh | | | | | |
| MH | Tin học | | | | | |
| MH | Ngoại ngữ | | | | | |
| ... | | | | | | |
| II | Các môn học, mô đun chuyên môn | | | | | |
| II.1 | Môn học, mô đun cơ sở | | | | | |
| ... | | | | | | |
| ... | | | | | | |
| II.2 | Môn học, mô đun chuyên môn | | | | | |
| ... | | | | | | |
| ... | | | | | | |
| II.3 | Môn học, mô đun tự chọn | | | | | |
| ... | | | | | | |
| ... | | | | | | |
| Tổng cộng | | | | | | |

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Cần căn cứ vào điều kiện cụ thể, khả năng của mỗi trường và kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khóa học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo đã xác định trong chương trình đào tạo và công bố theo từng ngành, nghề để xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định.

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun cần được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- Đối với đào tạo theo niên chế:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo theo từng ngành, nghề và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp.

+ Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: môn Chính trị; Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp.

+ Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp, kết quả bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành hoặc cử nhân thực hành (đối với trình độ cao đẳng) theo quy định của trường.

- Đối với đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tích lũy tín chỉ:

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo từng ngành, nghề và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả tích lũy của người học để quyết định việc công nhận tốt nghiệp ngay cho người học hoặc phải làm chuyên đề, khóa luận làm điều kiện xét tốt nghiệp.

+ Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả xét công nhận tốt nghiệp để cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành hoặc cử nhân thực hành (đối với trình độ cao đẳng) theo quy định của trường.

4.5. Các chú ý khác (nếu có):

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KT-KT TÔ HIỆU HÙNG YÊN

BỘ PHẬN:.....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔĐUN/ MÔN HỌC

- Tên môn học:
- Ngành/khoá đào tạo:.....
- Mã môn học:.....; Số tín chỉ
- Họ tên GV/nhóm GV biên soạn (tt học vị, BM,Khoa).....
- Bộ môn phụ trách MH :.....
- Họ tên lãnh đạo (tt Bộ môn, Khoa) phê duyệt:
- Nộp hồ sơ đăng ký nghiệm thu, Ngày.....lich nghiệm thu.....
- Họ tên GV, phản biện, đánh giá (tt học vị, BM, Khoa, HĐCT):.....

1. Phần đánh giá chung (5 điểm)

1.1. Cấu trúc phù hợp theo mẫu do Trường ban hành:

Đúng mẫu: ; đúng mẫu nhưng còn thiếu: ; theo mẫu khác: .

1.2. Đánh giá đạt số điểm:và đề nghị:.....

.....

2. Phần đánh giá nội dung ĐCCTMH (95điểm), cụ thể như sau:

2.1. Thông tin chung về môn học (5 điểm):

- Môn học (MH) bắt buộc; MH tự chọn; Số MH tiên quyết

- Số giờ tín chỉ đối với các hoạt động: nghe giảng lý thuyết; thảo luận; hoạt động theo nhóm; làm bài trên lớp, thực hành - thực tập; tự học

Kết luận: Đúng quy định trong chương trình: ; có sai kh: ; thiếu thôntin:
Đánh giá đạt số điểm là và đề nghị.....

.....

2.2. Mục tiêu chung của MH (trên cơ sở mục tiêu chương trình, chuẩn năng lực): (20 điểm)

- Mục tiêu phù hợp với nội dung MH :; còn MT chưa phù hợp:; nhiều MT chưa phù hợp:

Đánh giá đạt số điểm làvà đề nghị:.....0.....

.....
.....
.....
.....
.....

2.3. Mô tả tóm tắt nội dung MH (trên cơ sở Chuẩn đầu ra và mục tiêu đào tạo):(5điểm)

Đầy đủ, đúng quy định: ; chưa đầy đủ: ; chưa đúng quy định: .

Đánh giá đạt số điểm là và đề nghị:

.....
.....
.....

2.4. Nội dung chi tiết HP (20 điểm):

Nội dung MH được phân chia thành các nội dung chi tiết (modun, chương, mục, tiêu mục, bài... nên chia thành 12-13 nội dung / 15 tuần)

Nội dung đúng - đủ - hợp lý: có ND chưa hợp lý: ; nhiều ND chưa hợp lý:

Đánh giá đạt số điểm là và đề nghị:.....

.....
.....
.....

2.5. Học liệu đã đối chiếu danh mục trên thư viện(5 điểm):

- Có đủ số HL theo quy định: ; còn thiếu: ; quá nhiều:

- Có đủ thông tin từng HL: ; còn thiếu: ; có sai sót:

Đánh giá đạt số điểm là và đề nghị:.....

.....
.....

2.6. Lịch trình học phần (20 điểm):

Các hình thức tổ chức dạy học lựa chọn phù hợp với yêu cầu của MH và phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ: ; còn có TC chưa phù hợp: ; nhiều TC chưa phù hợp: .

Đánh giá đạt số điểm là và đề nghị:.....

.....
.....
.....
.....

2.8. Chính sách đối với MH (10 điểm):

- Các quy định về chuyên cần, thái độ hoàn thành nhiệm vụ đối với SV:

Có đầy đủ: chưa đầy đủ: không có: .

- Các quy định phù hợp với quy chế đào tạo và yêu cầu của HP:

Phù hợp: ; còn có QĐ chưa phù hợp: ; còn nhiều QĐ chưa phù hợp:

Đánh giá đạt số điểm là và đề nghị:.....

2.9. Phương pháp KTĐG (10 điểm):

- Số bài KTĐG thường xuyên

- Các hình thức KTĐG:

- Có đủ mục tiêu cho từng hình thức KTĐG: ; chưa đầy đủ: ; không có: .

- Có đủ tiêu chí cho từng hình thức KTĐG: ; chưa đầy đủ: ; không có: .

Đánh giá đạt số điểm là và đề nghị:.....

3. Kết luận và đề nghị

3.1. Kết luận chung: ĐCCTMH đảm bảo các yêu cầu: ; đảm bảo các yêu cầu nhưng còn tồn tại cần điều chỉnh: ; chưa đảm bảo các yêu cầu

3.2. Đánh giá đạt số điểm là và đề nghị chỉnh sửa (Tổng điểm đạt >90 điểm xếp loại A; đạt 80 điểm đến cận 90 điểm xếp loại B, đạt 70 điểm đến cận 80 xếp loại C, đạt < 70 điểm xếp loại D. Loại A,B,C duyệt nghiệm thu sau khi chỉnh sửa, loại D trả lại hồ sơ thực hiện lại qui trình nghiệm thu).

Ngày tháng năm

Người đánh giá ĐCCT

Số:..... /QĐ - CDTH

Hưng Yên, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập hội đồng thẩm định CTĐT
HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KTKT TÔ HIỆU HƯNG YÊN

- Căn cứ
- Căn cứ
- Căn cứ
- Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Hội đồng Thẩm định Cao đẳng/Trung cấp/sơ cấp các ngành: gồm các thành viên sau đây:

1.: Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng.
2.: Phó hiệu trưởng, Phó chủ tịch Hội đồng.
3.: Trưởng Phòng ĐT&NCKH, thư ký Hội đồng.
4.: Trưởng phòng Đào tạo, uỷ viên Hội đồng.
5. giảng viên, uỷ viên Hội đồng.
6. : giảng viên, uỷ viên Hội đồng
7.: giảng viên, uỷ viên Hội đồng.
8.: chuyên gia, đại diện ĐVSĐLĐ
9.: chuyên gia, đại diện ĐVSĐLĐ
10.:

Điều 2: Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thẩm định được thực hiện theo điều 7 và 16 quy định việc thẩm định chương trình và giáo trình đào tạo trung cấp, cao đẳng (ban hành theo **Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTĐBXH ngày 01/3/2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng**).

Điều 3: Hội đồng thẩm định tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Các Ông (Bà) trưởng các đơn vị trực thuộc trường và các Ông (Bà) có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Tổng cục GDNN (b/c)
- Lưu VT, ĐT.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH CTĐT

Hôm nay, vào lúc... ngày...tháng.....năm 20....., tại Hội đồng thẩm định định trình độngànhcủa trườngđã họp, cụ thể như sau:

I. Thành phần Hội đồng thẩm định:

- 1....., Chủ tịch
- 2....., Phó chủ tịch
- 3.....; thư ký
4.; ủy viên
- 5....., ủy viên

.....

II. Nội dung

1. Trường báo cáo tóm tắt nội dung quá trình xây dựng và nội dung chương trình đào tạo trình độ đại học/ trình độ cao đẳng ngành....

2. Ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định

- Các phản biện đọc nhận xét

- Hội đồng và những người tham dự nêu câu hỏi

3. Trả lời của cơ sở đào tạo trả lời các câu hỏi đã được nêu

4. Hội đồng thẩm định họp riêng thảo luận, bầu ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín.

5. Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả

Kết quả: Số phiếu đạt:

Số phiếu không đạt:

6. Kết luận của Hội đồng thẩm định

Phiên họp kết thúc vào hồi:..., ngày tháng năm 20...

Thư ký Hội đồng

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Chủ tịch Hội đồng

(Ký và ghi rõ họ, tên)

UBND TỈNH HƯNG YÊN
TRƯỜNG CĐ KT-KT TÔ HIỆU HY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:...../QĐ-ĐT

Hưng Yên, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành CTĐT

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KT-KT TÔ HIỆU HƯNG YÊN

Căn cứ cứ

.....;

Căn cứ kết quả thẩm định chuyên ngành thuộc ngành

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành ngành:, mã số:, chuyên ngành:
(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo).

Điều 2. này áp dụng từ khóa Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề cần kiến nghị sửa đổi, các đơn vị và cá nhân có liên quan gửi văn bản tới Phòng Đào tạo để trình Nhà trường xem xét.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các phòng: Tổ chức - Hành chính - Quản trị, Đào tạo, Thanh tra Khảo thí và Kiểm định chất lượng, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, PĐT.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KT-KT TÔ HIỆU HƯNG YÊN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BM28.14

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM....

| STT | NGÀNH/NGHỀ ĐÀO TẠO | TÊN CTĐT | HỆ ĐÀO TẠO | SỐ QUYẾT ĐỊNH | NGÀY THÁNG BAN HÀNH | GHI CHÚ |
|------|--------------------|----------|------------|---------------|---------------------|---------|
| 1 | | | | | | |
| 2 | | | | | | |
| 3 | | | | | | |
| 4 | | | | | | |
| 5 | | | | | | |
| 6 | | | | | | |
| 7 | | | | | | |
| 8 | | | | | | |
| 9 | | | | | | |
| 10 | | | | | | |
| 11 | | | | | | |
| 12 | | | | | | |
| 13 | | | | | | |
| 14 | | | | | | |
| | | | | | | |